

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của
Sở Nông nghiệp và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3380/QĐ-BNNMT ngày 25/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 973/TTr-SNNMT ngày 29/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường như sau:

1. Công bố 01 danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã.

2. Công bố 27 danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, trong đó: 19 danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, 08 danh

mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và thay thế các số thứ tự 5, 6, 7, 9, 12, 13, 17, 18, 19, 20, 21, 23, 24, 26, 27, 28, 29, 30, 31 Mục A và các số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 14 Mục B Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 23/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TTPVHHC, Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư Mã TTHC: 1.014275	- 17 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 27 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	Không	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính

						quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
--	--	--	--	--	--	--

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	CẤP TỈNH: 19 TTHC					
1	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu	15 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15;

	thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất Mã TTHC: 1.013823	hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 25 ngày.	trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	m2 - dưới 5000 m2: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m2 - dưới 10.000 m2: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m2 - dưới 100.000 m2: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m2 - dưới 300.000 m2: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m2 - dưới 500.000 m2: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m2 trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ;	- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP. - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu,
--	--	---	--	--	--

					- Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
2	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất Mã TTHC: 1.013825	15 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - dưới 5000 m ² : 2.110.000	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày

		có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 25 ngày.	Phục vụ hành chính công tỉnh		đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng	30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP. - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản
--	--	---	------------------------------	--	--	--

					nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy. + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ; + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ; + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
3	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê	05 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	Không	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15;

	đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư Mã TTHC: 1.013826	hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 15 ngày.	trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
4	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do	07 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới;	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi

	sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa Mã TTHC: 1.013827	đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Hạt Kiểm lâm các khu vực	tuyển	+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng	Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số
--	--	---	--	--------------	---	--

					- Lệ phí địa chính: + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ; + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ; + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
5	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp Mã TTHC: 1.012781	- Đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích đất tăng thêm do nhận chuyển quyền sử dụng một phần thửa đất đã được cấp Giấy	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài

		chứng nhận: 07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày làm việc. - Đối với trường hợp thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận, phần diện tích tăng thêm phần diện tích đất		+ Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng	sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm
--	--	--	--	---	--

		chưa được cấp Giấy chứng nhận: 07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày làm việc.		nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	---	--	--	---

6	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận Mã TTHC: 1.012782	- Đối với trường hợp người sử dụng đất không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở: 12 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 22 ngày làm việc. - Đối với trường hợp người sử	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	* Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật
---	--	---	---	---	---	---

		dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở: 15 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 25 ngày làm việc.			+ Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	<i>Đất đai;</i> - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
7	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài	- 05 ngày làm việc. Đối với các	Bộ phận Bộ phận tiếp nhận	Nộp trực tiếp; qua bưu chính	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi,

	sản gắn liền với đất Mã TTHC: 1.012783	xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận do thay đổi kích thước các cạnh, diện tích, số hiệu của thửa đất do đo đạc lập bản đồ địa chính, trích đo địa chính	và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	hoặc trực tuyến	diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở	bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ- BNNMT ngày 28/6/2025
--	---	---	---	----------------------------	--	--

		thửa đất mà ranh giới thửa đất không thay đổi thời gian giải quyết: 07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày làm việc.		lên: 5.290.000đồng. 2. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông	của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	--	--

					thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000	
--	--	--	--	--	---	--

					đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
8	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất Mã TTHC: 1.012786	07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	* Tổ chức 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

		thêm không quá 17 ngày làm việc.			diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận	- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh;
--	--	----------------------------------	--	--	---	---

				đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô	- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	---	--

					thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biên động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần	
--	--	--	--	--	---	--

					- Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
9	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định Mã TTHC: 1.012785	07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư - Phí thẩm định: Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Lệ phí địa chính: Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp

					có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố 2. Đối với tổ chức - Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng.	trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh
--	--	--	--	--	---	--

					+ Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng - Lệ phí địa chính: + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ;	Sơn La.
--	--	--	--	--	---	---------

					+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ; + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000đồng/giấy.	
10	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng	07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và

	quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản Mã TTHC: 1.012787	kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày làm việc.	nghịệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	+ Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng	Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định
--	---	--	--	---	---

					nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa	số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	--	---	--

					chính: 30.000 đồng/lần. * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng	
--	--	--	--	--	--	--

					đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
11	Đăng ký biến động	- Trường	Bộ phận	Nộp trực	* Tổ chức:	- Luật Đất đai số

	quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm Mã TTHC: 1.013831	hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; bán, thừa kế, tặng cho hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất được	tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô	31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
--	--	---	---	--	---	--

		Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm: 06 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 16 ngày làm việc. - Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử		diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận	- Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	---	---

		dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng: 03 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 13 ngày làm việc.			đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô	
--	--	--	--	--	--	--

					thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá	
--	--	--	--	--	--	--

					50% mức thu tại thành phố	
12	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu Mã TTHC: 1.013977	- Trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp: 06 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² : 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

		kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 16 ngày làm việc. - Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết: 05 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới;		500.000 m2: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m2 trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận:	<i>điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</i> - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	---	--	---	---

		đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 15 ngày làm việc.			40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	
13	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm,	- Trường hợp đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do sự thỏa thuận của các thành viên	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ

	quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc			+ Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng	thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của
--	--	--	--	--	---	--

	do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài Mã TTHC: 1.013980	phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp: 06 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có			nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy	HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	---	--	--	---	---

		điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 16 ngày làm việc. - Trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm;		chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không	
--	--	--	--	---	--

		bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công: 08 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng		có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biên động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
--	--	--	--	---	--

		thêm không quá 18 ngày làm việc.				
14	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền Mã TTHC: 1.013992	06 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 16 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày

					+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000đồng. 2. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân:	15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	--	---	--

					1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biên động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biên động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000	
--	--	--	--	--	---	--

					đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biên động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử	10 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực	* Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biên	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi

	dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 Mã TTHC: 1.013993	giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 20 ngày làm việc.	Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tuyển	động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy	Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông
--	--	--	--	--------------	---	---

					(trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biên động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	ng nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
16	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất Mã TTHC: 1.013994	- Trường hợp đất để thực hiện dự án đã được cấp Giấy chứng nhận:	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	- Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và

		06 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 16 ngày làm việc. - Đối với trường hợp đất để thực hiện dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận: 16 ngày làm việc. Đối với	Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	diện tích từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng. - Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử	Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định
--	--	--	---	--	---

		các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 26 ngày làm việc.		dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000	số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	--	--

					đồng/lần.	
17	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký Mã TTHC: 1.013995	- Trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài: 07 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	* Tổ chức 1. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy

		thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày làm việc. - Trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký: 05 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng		(trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biên động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	<i>định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</i> - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	---	--	--	--

		thêm không quá 15 ngày làm việc.				
18	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư Mã TTHC: 1.013945	17 ngày . Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 10 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	Không	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - <i>Nghị định số</i>

						226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
19	Sử dụng đất kết hợp	11 ngày làm	Bộ phận	Nộp trực	1. Phí thẩm định:	- Luật Đất đai số

	đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích Mã TTHC: 1.013946	việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 21 ngày làm việc.	tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	+ Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở	31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về
--	---	---	--	-------------------------------------	---	---

					lên: 8.600.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000	việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	--	--	--

					đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.	
II	CẤP XÃ: 08 TTHC					
1	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất Mã TTHC: 1.013949	15 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính cấp xã	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ

					+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	<i>sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;</i> - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh.
2	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất Mã TTHC: 1.013950	15 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới;	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực	1. Phí thẩm định: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 310.000	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi

		đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 25 ngày.	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	tuyển	đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị), 150.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài	Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số
--	--	--	------------------------------------	-------	--	--

					sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
3	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư Mã TTHC: 1.013952	05 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	Không	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày

		thực hiện được tăng thêm không quá 15 ngày.				12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.
4	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục	07 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biên động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một

	đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa Mã TTHC: 1.013953	hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 17 ngày.			với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000	số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của
--	--	--	--	--	--	--

					đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
5	Thủ tục Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công	35 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính

tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở;	quá 45 ngày.			thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số
---	---------------------	--	--	---	---

	Mã TTHC: 1.013962					135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
6	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất. Mã TTHC: 1.012753	15 ngày làm việc. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 25 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp trực tiếp; qua bưu chính hoặc trực tuyến	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - dưới 5000 m ² : 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² - dưới 10.000 m ² : 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² - dưới 300.000 m ² : 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

					diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	- Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
7	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất,	15 ngày làm việc. Đối	Bộ phận Tiếp nhận	Nộp trực tiếp; bu	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày

	cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Mã TTHC: 1.013978	với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 25 ngày làm việc.	và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	chính hoặc trực tuyến	dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản	18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định
--	---	--	--	------------------------------	---	---

					khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
8	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích Mã TTHC: 1.013965	11 ngày. Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Nộp trực tiếp; bưu chính hoặc trực tuyến	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 58/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

		khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm không quá 21 ngày.			đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần	- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; - Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; - Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và thu nộp các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐND tỉnh;
--	--	--	--	--	--	---

						- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La.
--	--	--	--	--	--	---